

NHÀN

NGUYỄN BÌNH KHIÊM

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Hiểu được cái thú và ý nghĩa triết lí trong lối sống nhàn dật mà tác giả đã lựa chọn.*
- *Cảm nhận được nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ : lời tự nhiên, giản dị mà có ý vị, một bằng chứng về sự trưởng thành của ngôn ngữ thơ Nôm.*

TIỂU DẪN

Nguyễn Bình Khiêm sống gần trọn thế kỉ XVI (1491 - 1585), tên húy là Văn Đạt, tự là Hạnh Phủ, người làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại, Hải Dương (nay thuộc Vĩnh Bảo, Hải Phòng). Học giỏi, nhưng mãi đến năm bốn mươi tư tuổi, đời vua Mạc Đăng Doanh, ông mới đi thi Hương⁽¹⁾ lần đầu, năm sau thi tiếp đỗ Trạng nguyên. Làm quan được tám năm, Nguyễn Bình Khiêm dâng sớ xin chém mười tám kẻ lộng thần. Không được chấp thuận, ông bèn xin thôi làm quan và về sống ở quê nhà. Từ đây, ông tự đặt tên hiệu là Bạch Vân Cư Sĩ để nói rõ mình là người "chí để ở sự nhàn dật"⁽²⁾.



Đền thờ Nguyễn Bình Khiêm tại xã Lí Học, huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng

(1) *Thi Hương* : khoa thi thời phong kiến, tổ chức ở một số địa phương, người đỗ được cấp học vị Hương cống, sau gọi là Cử nhân.

(2) *Chí để ở sự nhàn dật* : ý nói có lí tưởng sống tự nhiên, không chạy theo công danh, phú quý.

Ông dựng am Bạch Vân, lập quán Trung Tân, mở trường dạy học. Học trò có nhiều người rất nổi tiếng nên về sau ông được tôn là Tuyết Giang Phu Tử (Người thầy sông Tuyết). Tuy ở ẩn nhưng ông vẫn thường được vua nhà Mạc vời đến triều tham gia chính sự. Do có công lao nên ông được phong thêm tước Trình Quốc công, vì vậy mà có tên gọi là Trạng Trình. Tác phẩm của Nguyễn Bỉnh Khiêm gồm có tập thơ chữ Hán *Bạch Vân am thi tập*, tập thơ Nôm *Bạch Vân quốc ngữ thi*,... Thơ của ông là tiếng nói của tầng lớp trí thức dân tộc trong giai đoạn nội loạn xảy ra liên miên, thể hiện khát vọng chấm dứt chiến tranh tương tàn.

Bài thơ *Nhàn* rút trong *Bạch Vân quốc ngữ thi*. Nhan đề bài thơ do người đời sau đặt.

*
* *

*Một mai⁽¹⁾, một cuốc, một cần câu,
Thơ thần⁽²⁾ dẫu ai⁽³⁾ vui thú nào.
Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ,
Người khôn, người đến chốn lao xao⁽⁴⁾.
Thu ăn măng trúc, đông ăn giá⁽⁵⁾,
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.
Rượu, đến cội cây⁽⁶⁾, ta sẽ uống,
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.*

*(Hợp tuyển thơ văn Việt Nam, tập II –
Văn học thế kỉ X- thế kỉ XVII, Sđd)*

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Lối sống nhàn dật được thể hiện bằng những chi tiết nào trong bài thơ ? (cách sống, cách sinh hoạt, quan niệm sống).
2. Biểu tượng "nơi vắng vẻ" đối lập với "chốn lao xao" trong bài có ý nghĩa gì ? Quan niệm *khôn* và *dại* của tác giả khác đời như thế nào ?

(1) *Mai* : dụng cụ đào đất, xới đất

(2) *Thơ thần* : ung dung, nhàn nhã

(3) *Dẫu ai* : mặc ai

(4) *Chốn lao xao* : nơi ồn ào, ở đây ý nói nơi con người chen chúc xô đẩy nhau để giành giật lợi danh.

(5) *Giá* : thứ rau làm bằng đậu xanh ngâm ủ cho mầm mọc dài ra

(6) *Cội cây* : gốc cây. Có người hiểu : hai câu 7 - 8 lấy ý từ tích xưa : Một người nằm ngủ dưới gốc cây hoè chiêm bao thấy mình được làm quan, giàu có, tỉnh dậy thấy mình vẫn nằm dưới cây hoè, mới biết đó chỉ là chiêm bao.

3. Hai câu 5 – 6 nói về chuyện sinh hoạt hằng ngày hết sức giản dị và gần gũi với thiên nhiên, sống như thế thích thú thế nào về phương diện tinh thần ?
4. Anh (chị) hiểu thế nào về triết lí nhân sinh của tác giả thể hiện ở hai câu cuối ?
5. Phan Huy Chú nhận xét : "Văn chương ông tự nhiên nói ra là thành, không cần gọt giũa, giản dị mà linh hoạt, không màu mè mà có ý vị, đều có quan hệ đến việc dạy đời". Anh (chị) thấy từ ngữ, giọng điệu bài thơ này có gì chứng tỏ nhận xét ấy là xác đáng ?
6. Học thuộc lòng bài thơ.

BÀI TẬP NÂNG CAO

"Nhàn" là chủ đề thơ khá phổ biến ở thời trung đại. Nguyễn Trãi, Nguyễn Công Trứ đều có thơ ca ngợi chữ *nhàn*. Qua bài thơ *Nhàn* của Nguyễn Bình Khiêm, hãy tìm hiểu về đẹp thanh cao của triết lí "nhàn dật" trong lí tưởng sống của người xưa. Có thể hiểu "nhàn dật" là thoát li đời sống thực tế hay không ?

TRI THỨC ĐỌC - HIỂU

Luật thơ Đường

1. Thể thất ngôn bát cú

Trong các thể thơ có nguồn gốc Trung Quốc, thể thơ Đường luật thất ngôn bát cú được sử dụng nhiều hơn cả. Thể này có các luật như sau :

a) *Về số câu, số chữ* : mỗi bài tám câu, mỗi câu bảy chữ, cả bài : 56 chữ.

b) *Về gieo vần* : toàn bài chỉ dùng một vần (*độc vận*) và thường là vần bằng, gieo ở chữ cuối câu (*cước vận*).

– Chính lệ : năm vần, gieo ở chữ cuối câu 1 và chữ cuối các câu chẵn ;

– Ngoại lệ : bốn vần, gieo ở chữ cuối các câu chẵn.

c) *Về đối ngẫu* : trừ hai câu đầu và hai câu cuối thường không đối nhau, bốn câu giữa, câu 3 "đối" với câu 4, câu 5 "đối" với câu 6.

d) *Về luật bằng trắc* : toàn bài chia làm bốn "liên", mỗi liên gồm hai câu kế nhau. Trong mỗi liên, bằng trắc hai câu đối nhau. Chữ thứ hai, bốn, sáu của câu 2 liên trên và chữ thứ hai, bốn, sáu của câu 1 liên dưới bằng trắc phải giống nhau, tức là "niêm" (dính với nhau). Câu 1 và 8 cũng niêm với nhau.

Ở mỗi câu đều có sự luân phiên giữa các nhịp thơ (mỗi nhịp thường do hai chữ, ba chữ tạo thành) theo bốn kiểu tiết tấu :

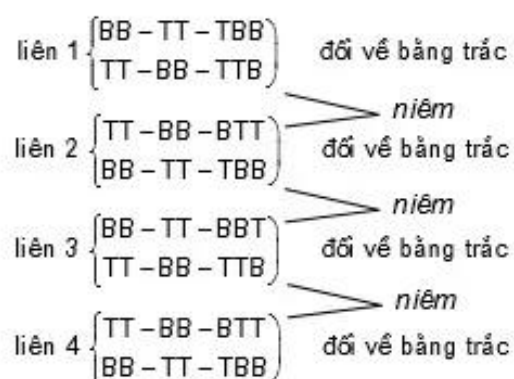
BB – TT – TBB

BB – TT – BBT

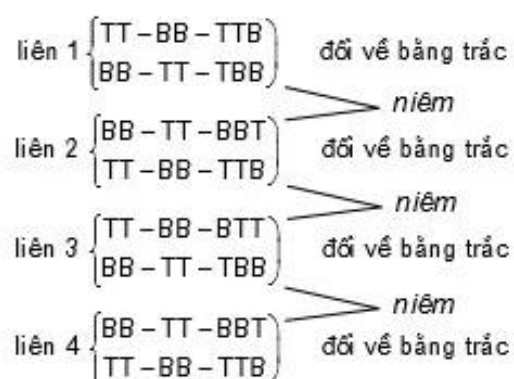
TT – BB – TTB

TT – BB – BTT

Nếu chữ thứ hai của câu 1 là thanh bằng thì ta có mô hình sau :



Nếu chữ thứ hai của câu 1 là thanh trắc thì ta có mô hình sau :

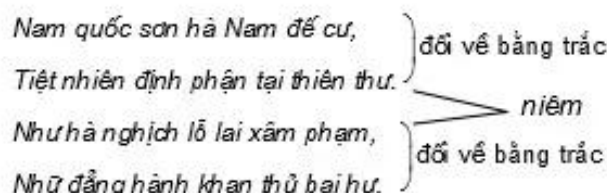


Trong luật thơ Đường có quy tắc "nhất tam ngũ bất luận", nghĩa là các chữ thứ nhất, thứ ba, thứ năm trong câu có thể linh động *bằng* hoặc *trắc*; và quy tắc "nhị tứ lục phân minh", nghĩa là các chữ thứ hai, thứ tư, thứ sáu trong câu phải theo *đúng luật*, không được linh động.

2. Thể tuyệt cú

Một thể thơ cũng hay được dùng là *tuyệt cú Đường luật* (hoặc *tuyệt luật*). Bài gồm bốn câu. Luật của thơ tuyệt cú hoặc là theo bốn câu đầu hoặc theo bốn câu cuối của thể thơ Đường luật bất cứ. Nhưng phổ biến hơn cả, bài tuyệt luật thường gồm hai câu đầu và hai câu cuối bài bát cú Đường luật.

- Ví dụ : Bài *Nam quốc sơn hà* theo luật trắc (chữ thứ hai câu đầu là thanh trắc) :



Bài *Nỗi oán của người phòng khuê* (Vương Xương Linh) theo luật bằng (chữ thứ hai câu đầu là thanh bằng) :

Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu,
Xuân nhật ngưng trang thương thúy lâu. } đối về bằng trắc
Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc,
Hồi giao phu tế mịch phong hầu. } đối về bằng trắc

niêm

Thơ tuyệt luật cũng có khi viết bằng ngũ ngôn. Trong trường hợp này, câu ngũ ngôn được coi là câu thất ngôn bỏ đi một nhịp thơ (hai chữ ở đầu câu).

Ví dụ : Bài *Tụng giá hoàn kinh sư* của Trần Quang Khải :

Đoạt sáo Chương Dương độ,
Cầm Hồ Hàm Tử quan. } đối về bằng trắc
Thái bình tu trí lực,
Vạn cổ thử giang san. } đối về bằng trắc

niêm

3. Thơ Đường luật, ngoài các thể chính là bát cú (tám câu) và tuyệt cú (bốn câu), còn có những bài gọi là "tiểu luật" chỉ có sáu câu, như một số bài thơ Nôm của Nguyễn Bỉnh Khiêm.